

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI KÌ I
NĂM HỌC 2024-2025
MÔN: GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT LỚP 10

I. TÓM TẮT KIẾN THỨC CẦN NẮM

Bài 1: Các hoạt động kinh tế cơ bản trong đời sống xã hội

- Hoạt động tiêu dùng.

Bài 2: Các chủ thể của nền kinh tế

- Chủ thể Nhà nước.

Bài 3: Thị trường

- Các chức năng cơ bản của Thị trường.

Bài 4: Cơ chế thị trường

- Chức năng của giá cả thị trường.

Bài 5: Ngân sách nhà nước

- Quy định cơ bản về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật ngân sách nhà nước.

Bài 6: Thuế

- Quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật thuế.

Bài 7: Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh

1. Vai trò của sản xuất kinh doanh

- *Kinh doanh* là việc thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả công đoạn của quá trình từ đầu tư, sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích thu được lợi nhuận.
- *Sản xuất kinh doanh* là hoạt động sản xuất ra sản phẩm hàng hoá/ dịch vụ để đáp ứng nhu cầu của thị trường, nhằm mục đích thu được lợi nhuận.
- *Sản xuất kinh doanh có vai trò* quan trọng trong đời sống xã hội: là hoạt động kinh tế cơ bản của con người, làm ra sản phẩm hàng hoá/dịch vụ, đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu của xã hội: tạo việc làm, thu nhập cho người lao động, gia đình, xã hội và chủ thể kinh doanh, đem lại cuộc sống ấm no cho mọi người trong xã hội, đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước.

2. Một số mô hình sản xuất kinh doanh

a) Mô hình Hộ sản xuất kinh doanh

- *Hộ sản xuất kinh doanh* là mô hình sản xuất kinh doanh do cá nhân hoặc một nhóm người là công dân Việt Nam đủ 18 tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, hoặc một hộ gia đình làm chủ, tự tổ chức sản xuất kinh doanh theo định hướng phát triển kinh tế của nhà nước, địa phương và quy định của pháp luật, tự chủ trong quản lý và tiêu thụ sản phẩm.
- *Hộ kinh doanh* chỉ được đăng kí kinh doanh tại một địa điểm, sử dụng dưới 10 lao động và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh.
- Mô hình này có quy mô nhỏ lẻ, bộ máy quản lý gọn nhẹ, dễ tạo việc làm nhưng khó huy động vốn nên khó tăng quy mô và đầu tư trang thiết bị, khó đáp ứng yêu cầu của khách hàng lớn.

b) Mô hình Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã sản xuất kinh doanh

+/ Mô hình hợp tác xã:

- *Hợp tác xã* là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân, do ít nhất 07 thành viên tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm nhằm đáp ứng nhu cầu chung của thành viên, trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lý hợp tác xã.

- Đặc điểm của hợp tác xã:

- + Có hình thức sở hữu tập thể;
- + Các thành viên có những nhu cầu chung trong sản xuất, kinh doanh;
- + Có vị trí, vai trò bình đẳng, có quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm như nhau trong quản lý hợp tác xã.

- *Liên hiệp hợp tác xã* là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân, do ít nhất 4 hợp tác xã tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm đáp ứng nhu cầu chung của hợp tác xã thành viên, trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lý.

- *Đặc điểm của Liên hiệp hợp tác xã:* có hình thức sở hữu tập thể, đồng sở hữu: có tư cách pháp nhân: các hợp tác xã thành viên tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lý.

c) Mô hình doanh nghiệp

- **Khái niệm:** Doanh nghiệp là tổ chức kinh tế có tên riêng, có tài sản, trụ sở giao dịch ổn định, được đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật nhằm mục đích thực hiện các hoạt động kinh doanh.

* **Đặc điểm của doanh nghiệp:**

- Có tính kinh doanh: mục đích hoạt động là tạo ra lợi nhuận thông qua mua bán, sản xuất, kinh doanh hàng hoá/dịch vụ....

- Có tính hợp pháp: đã đăng ký và được cấp phép kinh doanh.

- Có tính tổ chức: có tổ chức điều hành, cơ cấu nhân sự, trụ sở giao dịch, tài sản riêng và tư cách pháp nhân (trừ loại hình doanh nghiệp tư nhân).

* **Một số mô hình doanh nghiệp:**

+/**Doanh nghiệp tư nhân:**

- **Doanh nghiệp tư nhân** là doanh nghiệp do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp.

- **Đặc điểm:**

+ Chủ sở hữu duy nhất của doanh nghiệp là cá nhân chủ doanh nghiệp, có quyền tăng hoặc giảm vốn đầu tư, không tách bạch tài sản của chủ doanh nghiệp và tài sản của doanh nghiệp, không có tư cách pháp nhân.

+ Chủ doanh nghiệp là đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, toàn quyền quyết định hoạt động kinh doanh, sử dụng lợi nhuận và chịu trách nhiệm vô hạn toàn bộ tài sản của doanh nghiệp và của chủ doanh nghiệp.

+/**Công ty hợp danh:**

- Công ty hợp danh:

+ Là doanh nghiệp có ít nhất 02 thành viên là chủ sở hữu chung, cùng nhau kinh doanh dưới một tên chung (gọi là thành viên hợp danh).

+ Ngoài các thành viên hợp danh, công ty có thể có thêm thành viên góp vốn.

+ Thành viên hợp danh phải là cá nhân, chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về các nghĩa vụ của công ty.

+ Thành viên góp vốn là tổ chức, cá nhân và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ của công ty trong phạm vi số vốn đã cam kết góp vào công ty.

- **Đặc điểm:**

+ Thành viên hợp danh là người có trình độ chuyên môn và uy tín nghề nghiệp, có quyền ngang nhau trong quản lý công ty, tiến hành các hoạt động kinh doanh nhân danh công ty, cùng liên đới chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ của công ty.

+ Thành viên góp vốn có quyền được chia lợi nhuận theo tỉ lệ được quy định tại Điều lệ công ty; không được tham gia quản lý công ty và hoạt động kinh doanh nhân danh công ty.

+ Do kết hợp được uy tín cá nhân của thành viên hợp danh nên tạo được sự tin cậy của các bạn hàng, đối tác kinh doanh. Việc điều hành quản lý công ty không quá phức tạp do số lượng các thành viên ít và tin tưởng nhau.

+/**Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên**

- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là doanh nghiệp do một tổ chức hoặc một cá nhân làm chủ sở hữu: chủ sở hữu công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty.

- **Đặc điểm:**

+ Vốn điều lệ tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp là tổng giá trị tài sản do chủ sở hữu cam kết góp và ghi trong Điều lệ công ty. Nếu tăng vốn điều lệ bằng đóng góp của người khác thì phải chuyển đổi sang loại hình Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc công ty cổ phần.

+ Ít rủi ro hơn công ty tư nhân, cơ cấu tổ chức đơn giản, chủ sở hữu toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của công ty.

+/**Công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên**

- Công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên là doanh nghiệp trong đó thành viên có thể là tổ chức, cá nhân; số lượng thành viên không vượt quá 50.

- **Đặc điểm:**

+ Công ty có tư cách pháp nhân, không được quyền phát hành cổ phần để huy động vốn.

+ Thành viên chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp, vốn điều lệ của công ty khi đăng ký doanh nghiệp là tổng giá trị phần vốn góp các thành viên cam kết góp vào công ty.

+ Ít gây rủi ro cho người góp vốn, việc quản lý, điều hành công ty không quá phức tạp.

+/**Công ty cổ phần**

- Công ty cổ phần là doanh nghiệp được hình thành bằng vốn đóng góp của nhiều người, vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần.

Người đóng cổ phần gọi là các cổ đông. Cơ quan tối cao của công ty cổ phần là Đại hội đồng cổ đông. Các cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng quản trị sau đó Hội đồng quản trị sẽ thuê, bổ nhiệm Giám đốc (Tổng Giám đốc) hoặc Giám đốc điều hành. Công ty có quyền phát hành chứng khoán để huy động vốn, có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

- Đặc điểm:

+ Cổ đông có thể là tổ chức, cá nhân, chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp, có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần, số lượng cổ đông tối thiểu là ba và không hạn chế số lượng tối đa.

+ Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, có quyền phát hành chứng khoán, phải có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc.

+ Mức độ rủi ro của các cổ đông không cao, cơ cấu vốn của công ty cổ phần linh hoạt, khả năng huy động vốn cao thông qua phát hành cổ phần chào bán hoặc cổ phiếu ra công chúng.

+/*Doanh nghiệp nhà nước*

- Doanh nghiệp nhà nước: là tổ chức kinh doanh do Nhà nước thành lập hoặc tham gia thành lập đầu tư trên 50% vốn điều lệ và quản lý hoặc tham gia quản lý với tư cách chủ sở hữu, là một pháp nhân kinh tế, hoạt động theo pháp luật và bình đẳng trước pháp luật.

- Doanh nghiệp nhà nước gồm có hai loại:

+ Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ: công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

+ Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần.

Bài 8: Tín dụng và vai trò của tín dụng trong đời sống

1. Khái niệm và đặc điểm của tín dụng.

- *Tín dụng* là khái niệm thể hiện quan hệ kinh tế giữa chủ thể sở hữu (người cho vay) và chủ thể sử dụng nguồn vốn nhân rồi (người vay), theo nguyên tắc hoàn trả có kỳ hạn cả vốn gốc và lãi.

- *Tín dụng có đặc điểm cơ bản là:*

+ Dựa trên sự tin tưởng: người cho vay chỉ cấp tín dụng khi có lòng tin vào việc người vay sử dụng vốn vay đúng mục đích, hiệu quả và có khả năng hoàn trả nợ đúng hạn.

+ Có tính tạm thời: việc cho vay chỉ là nhường quyền sử dụng tạm thời một lượng vốn trong một thời hạn nhất định.

+ Có tính hoàn trả cả gốc lẫn lãi: đến thời hạn, người vay có nghĩa vụ và trách nhiệm phải hoàn trả cả vốn gốc và lãi vô điều kiện.

2. Vai trò của tín dụng

- Góp phần tăng lượng vốn đầu tư và hiệu quả đầu tư thông qua việc luân chuyển nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của các cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp và chính phủ đến những người đang cần vốn, đồng thời đòi hỏi người đi vay phải nỗ lực sử dụng vốn hiệu quả.

- Là công cụ điều tiết kinh tế - xã hội của nhà nước. Thúc đẩy sản xuất, lưu thông, tiêu dùng, tăng trưởng kinh tế và việc làm, nâng cao đời sống nhân dân.

Bài 9: Dịch vụ tín dụng

1. Tín dụng ngân hàng.

a) Đặc điểm của tín dụng ngân hàng

- *Tín dụng ngân hàng* là việc ngân hàng chấp nhận để khách hàng sử dụng một lượng tiền vốn trong một thời gian nhất định trên cơ sở lòng tin khách hàng có khả năng hoàn trả gốc và lãi khi đến hạn.

- Tín dụng ngân hàng có đặc điểm: dựa trên cơ sở lòng tin, có tính thời hạn, phải hoàn trả cả gốc lẫn lãi vô điều kiện và tiềm ẩn rủi ro.

b) Một số hình thức tín dụng ngân hàng

*** Cho vay tín chấp**

- Cho vay tín chấp là hình thức cho vay dựa vào uy tín của người vay, không cần tài sản bảo đảm.

- Đặc điểm của cho vay tín chấp là: Dựa hoàn toàn vào uy tín của người vay, thủ tục vay đơn giản, số tiền vay ít, thời hạn cho vay ngắn, mức lãi khá cao.

- Khi vay tín chấp, người vay có trách nhiệm cung cấp trung thực, chính xác các thông tin cá nhân, giấy tờ cần thiết theo yêu cầu của ngân hàng và phải trả đủ vốn vay và lãi đúng hạn.

* Cho vay thế chấp

- Cho vay thế chấp là hình thức cho vay đòi hỏi người vay phải có tài sản thế chấp có giá trị tương đương với lượng vốn cho vay.

- Đặc điểm của vay thế chấp là: Người vay phải có tài sản đảm bảo. Thủ tục vay phức tạp. Số tiền cho vay tương đối lớn, lãi suất phù hợp, thời gian cho vay dài.

- Khi vay thế chấp, người vay có trách nhiệm cung cấp trung thực, chính xác các thông tin cá nhân, giấy tờ hợp pháp về tài sản thế chấp theo yêu cầu của ngân hàng và phải trả đủ vốn vay và lãi đúng hạn. Trường hợp không thể trả nợ cho ngân hàng, phải chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản thế chấp để ngân hàng thanh lý.

* Cho vay trả góp

- Cho vay trả góp của ngân hàng là hoạt động ngân hàng cùng người vay xác định và thoả thuận số lãi vốn vay phải trả cộng với số nợ gốc được chia ra để trả nợ theo nhiều kỳ hạn trong thời hạn cho vay.

- Đặc điểm của cho vay trả góp là: hàng tháng người vay phải trả lãi và một phần số nợ gốc; hạn mức cho vay cao, lãi suất thấp, thủ tục vay đơn giản, nhanh gọn, thời hạn thanh toán linh hoạt.

- So với việc thanh toán hết một lần, mua trả góp khiến người mua phải mất thêm một khoản chi phí cho tiền lãi phải trả hàng tháng. Trường hợp dùng số tiền trả góp gửi ngân hàng thì lãi suất thu được từ tiền gửi thường thấp hơn mức lãi suất phải trả khi mua trả góp nên vẫn có phần chênh lệch.

- Khi vay trả góp, người vay có trách nhiệm cung cấp trung thực, chính xác các thông tin cá nhân, giấy tờ cần thiết theo yêu cầu của ngân hàng và phải trả đủ vốn vay và lãi đúng hạn như đã thoả thuận.

2. Tín dụng thương mại

Tín dụng thương mại là quan hệ tín dụng giữa các doanh nghiệp, được thực hiện dưới hình thức mua bán chịu, mua bán trả chậm hay trả góp hàng hoá. Đến thời hạn đã thoả thuận, doanh nghiệp mua phải hoàn trả cả vốn gốc và lãi cho doanh nghiệp bán dưới hình thức tiền tệ.

3. Tín dụng tiêu dùng

a) Đặc điểm của tín dụng tiêu dùng

- *Tín dụng tiêu dùng* là khái niệm chỉ quan hệ kinh tế giữa người cho vay là các tổ chức tín dụng và người vay là người tiêu dùng nhằm tạo điều kiện thoả mãn nhu cầu tiêu dùng (mua sắm hàng hoá).

- Đặc điểm:

- + Mục đích vay để tiêu dùng: nguồn trả nợ là thu nhập của người vay;
- + Người vay là cá nhân, hộ gia đình;
- + Người cho vay là ngân hàng, công ty tài chính....;
- + Lượng tiền cho vay thường nhỏ, lãi suất thường cao.

b) Một số dịch vụ tín dụng tiêu dùng

* Dịch vụ cho vay trả góp của công ty tài chính.

- Cho vay trả góp là: tổ chức tín dụng cùng người vay xác định và thoả thuận số lãi vốn vay phải trả cộng với số nợ gốc được chia ra để trả nợ theo nhiều kỳ hạn trong thời hạn cho vay.

- Đặc điểm của cho vay trả góp là:

- + Hàng tháng người vay phải trả lãi và một phần số nợ gốc;
- + Hạn mức cho vay cao, lãi suất thấp,
- + Thủ tục vay đơn giản, nhanh gọn, thời hạn thanh toán linh hoạt.

- So với việc thanh toán hết một lần, việc mua trả góp khiến người mua phải mất thêm một khoản chi phí cho tiền lãi phải trả hàng tháng. Trường hợp dùng số tiền trả góp gửi ngân hàng thì lãi suất thu được từ tiền gửi thường thấp hơn mức lãi suất phải trả khi mua trả góp nên vẫn có phần chênh lệch.

- Khi vay trả góp, người vay có trách nhiệm cung cấp trung thực, chính xác các thông tin cá nhân, giấy tờ cần thiết theo yêu cầu của tổ chức tín dụng và phải trả đủ vốn vay và lãi đúng hạn như đã thoả thuận.

* Cho vay tiêu dùng qua việc phát hành và sử dụng thẻ tín dụng

- Thẻ tín dụng ngân hàng (credit card) là thẻ chi tiêu trước, trả tiền sau do ngân hàng phát hành.

- Căn cứ vào tài chính và lịch sử tín dụng của chủ thẻ, ngân hàng cấp một số tiền cho chủ thẻ sử dụng để thanh toán khi mua hàng hoá, dịch vụ và quy định hạn quyết toán cho khoản tiền đã chi trong một khoảng thời gian nhất định. Đến hạn quyết toán, chủ thẻ phải hoàn lại tiền đã chi cho ngân hàng, nếu không trả hết số tiền đã vay, khách hàng phải chịu lãi.

- Việc thanh toán bằng thẻ tín dụng mang lại nhiều lợi ích cho cá nhân và xã hội:

+ Với cá nhân: có cơ hội được ưu đãi về lãi suất khi vay tiền ngân hàng nhờ có lịch sử tín dụng tốt đồng thời còn được hoàn lại một khoản tiền nhỏ theo giá trị hoá đơn mỗi khi mua sắm trong khi thanh toán bằng tiền mặt sẽ không có được, hạn chế được những rủi ro từ việc giữ tiền mặt, thực hiện thanh toán nhanh gọn, an toàn.

+ Với xã hội: việc nhiều cá nhân thực hiện thanh toán qua thẻ sẽ tiết kiệm được lượng tiền mặt cần phát hành trong lưu thông, tạo điều kiện để phát triển thương mại điện tử, thanh toán hoá đơn điện tử,...

+ Khi sử dụng thẻ tín dụng ngân hàng, chủ thẻ có trách nhiệm cung cấp thông tin chính xác khi đề nghị cấp hạn mức vay tín dụng, thực hiện thanh toán khoản tiền đã chi qua thẻ đúng kì hạn. Không nên để nợ quá hạn vì sẽ bị tích điểm tín dụng xấu và phải chịu mức lãi cao.

4. Tín dụng nhà nước

a) Đặc điểm tín dụng nhà nước

- *Tín dụng nhà nước* là các hoạt động vay trả giữa nhà nước với những tác nhân khác trong nền kinh tế, thông qua các hoạt động nhà nước đi vay để phục vụ cho mục đích huy động vốn bù đắp thiếu hụt ngân sách nhà nước hoặc mở rộng quy mô đầu tư của nhà nước để xây dựng Tổ quốc và nhà nước cho vay thực hiện những mục tiêu kinh tế quan trọng, hỗ trợ những đối tượng khó khăn trong xã hội để xây dựng và phát triển xã hội bền vững.

- Đặc điểm:

+ Tín dụng nhà nước cho vay với lãi suất ưu đãi: theo kế hoạch, chủ trương của nhà nước để thực hiện mục tiêu, định hướng của nhà nước;

+ Lãi suất vay của nhà nước hấp dẫn và ổn định hơn so với ngân hàng thương mại.

b) Một số mô hình tín dụng nhà nước

* Phát hành trái phiếu chính phủ.

- Trong hoạt động bán trái phiếu chính phủ: nhà nước là người vay tiền có nghĩa vụ trả nợ.

- Thời hạn trái phiếu thường từ 1 năm trở nên, công trái xây dựng Tổ quốc còn có thời hạn dài hơn, thường là 5 năm.

- Trái phiếu chính phủ có thể mua bán, cầm cố tại ngân hàng hoặc các tổ chức tín dụng khác để vay vốn hoặc có thể bán lại trên thị trường chứng khoán.

* Tín dụng cho vay từ ngân hàng chính sách xã hội

- Ngân hàng chính sách xã hội là tổ chức tín dụng nhà nước được thành lập để cho các hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác vay. Khác với ngân hàng thương mại, ngân hàng chính sách xã hội hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, được chính phủ bảo đảm khả năng thanh toán.

- Ngân hàng chính sách xã hội có hai phương thức cho vay, cho vay trực tiếp và cho vay uỷ thác trong đó uỷ thác là chủ yếu. Ngân hàng thực hiện uỷ thác một số công đoạn trong quy trình cho vay cho các Hội, Đoàn thể như Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Đối tượng cho vay phải là đối tượng được quy định trong các chương trình ưu đãi của Nhà nước giao cho ngân hàng này thực hiện. Ngân hàng có mạng lưới rộng khắp ở các địa phương để cung cấp dịch vụ tín dụng nhanh chóng, kịp thời, tiện lợi cho người dân.

Bài 10: Lập kế hoạch tài chính cá nhân

1. Khái niệm lập kế hoạch tài chính cá nhân

- *Tài chính cá nhân* là những vấn đề về thu nhập, chi tiêu, tiết kiệm.... của mỗi người.

- *Kế hoạch tài chính cá nhân* là bản kế hoạch thu chi giúp quản lí tiền bạc của cá nhân bao gồm các quyết định về hoạt động tài chính như thu nhập, chi tiêu, tiết kiệm, đầu tư.... để thực hiện những mục tiêu tài chính của cá nhân.

2. Các loại kế hoạch tài chính cá nhân

a) Kế hoạch tài chính cá nhân ngắn hạn

- *Kế hoạch tài chính cá nhân ngắn hạn* là bản kế hoạch về thu chi ngân sách nhằm thực hiện một mục tiêu tài chính trong một thời gian ngắn (dưới 3 tháng).

- Đặc điểm: mục tiêu tài chính ngắn hạn thường là cân đối chi tiêu với mức thu nhập đang có hay tiết kiệm được một khoản tiền nhỏ,...; thời gian thực hiện ngắn.

b) Kế hoạch tài chính cá nhân trung hạn

- *Kế hoạch tài chính cá nhân trung hạn* là bản kế hoạch về thu chi ngân sách nhằm thực hiện một mục tiêu tài chính trong một thời gian từ 3 đến 6 tháng.

- Đặc điểm: thực hiện mục đích cân đối thu chi trong tiêu dùng hay tiết kiệm được một khoản tiền nhỏ, thời gian thực hiện từ 3 đến 6 tháng.

c) Kế hoạch tài chính cá nhân dài hạn

- Kế hoạch tài chính cá nhân dài hạn là bản kế hoạch về thu chi ngân sách nhằm thực hiện được những mục tiêu tài chính quan trọng trong thời gian từ 6 tháng trở lên.

- Đặc điểm: mục tiêu thường là có được những khoản tiền lớn để thực hiện được các dự định trong tương lai, thời gian thực hiện từ 6 tháng trở lên, bao gồm kế hoạch thực hiện các mục tiêu ngắn hạn, trung hạn để từng bước đạt được mục tiêu dài hạn.

3. Tầm quan trọng của việc lập kế hoạch tài chính cá nhân

Việc lập và thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân giúp mỗi người:

- Tính toán, cân nhắc nên dành những khoản chi phí cần thiết cho đời sống, học tập.

- Chủ động nắm chắc tình hình tài chính của bản thân để điều chỉnh cho phù hợp.

- Duy trì được chi tiêu tài chính lành mạnh, không lãng phí, không bị thâm hụt hay nợ nần và còn tiết kiệm để thực hiện các mục tiêu tài chính quan trọng khác trong tương lai, giúp tự chủ trong cuộc sống.

- Được mọi người tôn trọng, quý mến.

4. Các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân

Bước 1: Xác định mục tiêu tài chính và thời hạn thực hiện

- Mục tiêu tài chính là mục tiêu cần hướng tới khi lập kế hoạch tài chính cá nhân. Nó có thể liên quan đến những mong muốn cân đối chi tiêu, tiết kiệm, kiếm tiền tăng thu nhập,...

- Để xác định mục tiêu tài chính, cần đánh giá năng lực tài chính của cá nhân, nhìn nhận những điều cần thiết nhất để đảm bảo cuộc sống, từ đó xác định mục tiêu ngắn hạn, trung hạn và dài hạn và cân nhắc xem mục tiêu đặt ra có ý nghĩa như thế nào để xem đó là động lực phải thực hiện bằng được.

+ Mục tiêu tài chính cá nhân ngắn hạn: được thực hiện trong thời gian ngắn nên vấn đề tài chính cần giải quyết thường là đảm bảo cân đối thu chi, không chi vượt mức số tiền đang có. Nếu có mục tiêu tiết kiệm trong thời gian ngắn thì thường là số tiền rất nhỏ.

+ Mục tiêu tài chính cá nhân trung hạn, dài hạn: được thực hiện trong thời gian dài hơn nên thường là mong muốn có những khoản tiền lớn hơn thông qua việc tiết kiệm và kiếm thêm.

Bước 2: Theo dõi và kiểm soát thu chi cá nhân

- Sau khi xác định mục tiêu tài chính thì việc theo dõi và kiểm soát thu chi là bước đi quan trọng để có căn cứ xác định các định mức cho các khoản chi khi phân bổ tài chính đồng thời kiểm soát được việc thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân theo đúng mục tiêu đã đề ra.

- Cần ghi chép đầy đủ các khoản thu chi, đặc biệt là các khoản chi, tách được những khoản chi thiết yếu (những thứ em cần) và những khoản không thiết yếu (những thứ em muốn) để theo dõi, kiểm soát mức chi với mức thu nhập cho phép. Nếu chi vượt quá mức, phải nhanh chóng có phương án điều chỉnh để cân đối.

- Phải kiểm soát việc thực hiện mục tiêu:

+ Không vì mục tiêu tiết kiệm cũng như mục tiêu cân đối thu chi mà cắt giảm những khoản chi tiêu thiết yếu ảnh hưởng đến sức khỏe và điều kiện học tập.

+ Không vì theo đuổi mục tiêu kiếm tiền tăng thu nhập mà quên mục tiêu quan trọng nhất là phải học tập tốt.

Bước 3: Thiết lập quy tắc thu chi cá nhân

- Để lập kế hoạch tài chính cá nhân đòi hỏi phải có những quy tắc thu chi cá nhân để định hướng, đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả của kế hoạch.

- Đó là các quy tắc: đảm bảo chi tiêu không vượt mức thu cho phép, phân bổ thu nhập cho các khoản chi và có tiết kiệm sao cho không ảnh hưởng đến các khoản chi thiết yếu, tăng thu nhập nhưng không được ảnh hưởng đến kết quả học tập.

Bước 4: Tuân thủ kế hoạch tài chính cá nhân

- Để đạt được những mục tiêu đã đặt ra trong kế hoạch tài chính cá nhân, cần thực hiện đúng các định mức chi tiêu đã đề ra trong kế hoạch.

- Nếu có những khoản chi đột xuất, cần nhanh chóng tìm cách điều chỉnh. Nếu nhu cầu thực tế hay thu nhập có thay đổi, cần cập nhật và điều chỉnh để bản kế hoạch phù hợp với thực tế.

II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM.

BÀI 1 ĐẾN BÀI 6

Câu 1: Hoạt động nào dưới đây được coi như là đơn hàng của xã hội đối với sản xuất ?

A. sản xuất.

B. lao động.

C. phân phối.

D. tiêu dùng.

Câu 2: Quá trình con người sử dụng các sản phẩm hàng hóa và dịch vụ để thỏa mãn nhu cầu sản xuất và sinh hoạt là biểu hiện của hoạt động

- A. tiêu dùng. B. lao động. C. sản xuất. D. phân phối.
- Câu 3:** Hoạt động nào dưới đây là căn cứ quan trọng để xác định số lượng, cơ cấu, chất lượng hình thức sản phẩm đối với sản xuất ?
- A. sản xuất. B. tiêu dùng. C. phân phối. D. lao động.
- Câu 4:** Nội dung nào dưới đây là vai trò chủ thể kinh tế của Nhà nước?
- A. Thoả mãn nhu cầu của người sản xuất.
 B. Thực hiện chức năng quản lý nền kinh tế.
 C. Quyết định số lượng sản phẩm sẽ cung ứng cho thị trường.
 D. Quyết định hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.
- Câu 5:** Điều tiết và tạo điều kiện thuận lợi cho các ngành kinh tế khác nhau hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả là vai trò của chủ thể kinh tế nào?
- A. Chủ thể sản xuất B. Chủ thể tiêu dùng C. Chủ thể trung gian D. Chủ thể Nhà nước
- Câu 6:** Trong nền kinh tế nước ta, chủ thể nhà nước có vai trò quản lý toàn bộ nền kinh tế quốc dân thông qua việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực nào dưới đây?
- A. Giáo dục. B. Kinh tế. C. Văn hóa. D. Xã hội.
- Câu 7:** Trong nền kinh tế hàng hóa, một trong những chức năng cơ bản của thị trường là chức năng
- A. trao đổi hàng hóa. B. thực hiện hàng hóa.
 C. đánh giá hàng hóa. D. thông tin.
- Câu 8:** Khi người bán đem hàng hoá ra thị trường, hàng hoá nào thích hợp với nhu cầu của xã hội thì bán được, điều đó thể hiện chức năng nào của thị trường?
- A. Gắn kết nền kinh tế thành một chỉnh thể B. Kích thích sự sáng tạo của mỗi chủ thể kinh tế
 C. Thừa nhận giá trị và giá trị sử dụng D. Gắn kết nền kinh tế quốc gia với nền kinh tế thế giới
- Câu 9:** Bên cạnh chức năng thừa nhận và chức năng điều tiết, kích thích hoặc hạn chế sản xuất và tiêu dùng, thị trường còn có chức năng
- A. thực hiện. B. thông tin. C. mua – bán. D. kiểm tra.
- Câu 10:** Nội dung nào dưới đây **không** phải là chức năng của giá cả thị trường?
- A. Điều tiết hàng hóa an sinh xã hội. B. Góp phần điều tiết quy mô sản xuất.
 C. Phân bổ nguồn lực sản xuất giữa các ngành. D. Điều tiết mối quan hệ cung – cầu.
- Câu 11:** Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện chức năng của giá cả thị trường?
- A. tạo ra nguồn của cải vật chất cho người tiêu dùng. B. Cung cấp thông tin nhằm cho các chủ thể kinh tế.
 C. Điều tiết duy trì sự ổn định và phát triển kinh tế. D. Công cụ để quản lý vĩ mô nền kinh tế thị trường.
- Câu 12:** Việc làm nào dưới đây của công dân **không** góp phần tham gia đóng góp vào ngân sách nhà nước?
- A. Thành lập doanh nghiệp. B. Phá hoại tài sản công cộng.
 C. Nộp thuế, phí và lệ phí. D. Tham gia lao động công ích.
- Câu 13:** Theo quy định của pháp luật, người nộp thuế có nghĩa vụ
- A. hưởng các ưu đãi về thuế. B. kê khai chính xác hồ sơ thuế.
 C. được cung cấp thông tin về thuế. D. được cấp mã số thuế.
- Câu 14:** Theo quy định của Luật Quản lý thuế, người nộp thuế có quyền
- A. kê khai đầy đủ các loại thuế phải nộp. B. nộp thuế đúng thời hạn quy định.
 C. được cung cấp thông tin về việc nộp thuế. D. đăng ký thuế khi tiến hành hoạt động phát sinh thuế
- Câu 15:** Theo quy định của Luật Quản lý thuế, người nộp thuế có quyền được
- A. giữ bí mật thông tin về người nộp thuế. B. khai báo không trung thực về loại thuế.
 C. tự quyết định thời gian nộp thuế. D. tự quyết định địa điểm nộp thuế.

Bài 7: SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ CÁC MÔ HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

- Câu 1.** Mục đích hoạt động chủ yếu của doanh nghiệp là
- A. thực hiện các hoạt động công ích. B. mua bán hàng hoá.
 C. kinh doanh. D. duy trì việc làm cho người lao động.
- Câu 2.** Trong nền sản xuất xã hội, doanh nghiệp là một đơn vị
- A. sản xuất của cải vật chất. B. phân phối của cải vật chất.
 C. phân phối và sản xuất của cải vật chất. D. tạo điều kiện để con người được lao động.
- Câu 3.** Kinh doanh là việc thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả các công đoạn của các quá trình từ đầu tư sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích
- A. thu được lợi nhuận. B. thu được tài sản. C. mở rộng thị trường. D. thanh lý tài sản.
- Câu 4.** Mô hình hộ sản xuất kinh doanh được hình thành trên cơ sở của cá nhân hoặc

A. của một tập thể người lao động.

B. của một hộ gia đình làm chủ.

C. của các doanh nghiệp nhỏ lẻ.

D. của tập thể người lao động.

Câu 5. Một trong những hạn chế của mô hình hộ sản xuất kinh doanh là

A. quy mô nhỏ lẻ, khó huy động vốn.

B. bộ máy quản lý gọn nhẹ, linh hoạt.

C. chủ động quản lý và tiêu thụ sản phẩm.

D. khó khăn trong quản lý nợ công.

Câu 6. Mô hình hộ kinh doanh chỉ được đăng kí kinh doanh tại một địa điểm, được sử dụng

A. trên 10 lao động.

B. dưới 10 lao động.

C. không hạn chế lao động.

D. lao động là trẻ em.

Câu 7. Mô hình sản xuất kinh doanh hợp tác xã là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân do ít nhất 7 thành viên

A. cùng sản xuất chung.

B. đổi mới, sáng tạo.

C. lao động trực tiếp.

D. tự nguyện thành lập.

Câu 8. Để mô hình sản xuất kinh doanh hợp tác xã phát triển ổn định, hiệu quả thì các thành viên cần hoạt động trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và

A. dân chủ trong quản lí.

B. mở rộng thị trường.

C. đề cao người quản lí.

D. kết nạp thành viên.

Câu 9. Liên hiệp hợp tác xã là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân do ít nhất 4 hợp tác xã tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau nhằm đáp ứng nhu cầu

A. riêng của mỗi thành viên.

B. chung của các thành viên.

C. tăng nguồn vốn pháp định.

D. đổi mới sáng tạo và phát triển.

Câu 10. Doanh nghiệp được hình thành do sự đóng góp của nhiều người với vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau thuộc loại hình doanh nghiệp nào dưới đây?

A. Doanh nghiệp tư nhân.

B. Công ty cổ phần.

C. Công ty trách nhiệm hữu hạn.

D. Hợp tác xã.

Câu 11. Em **không** đồng ý với ý kiến nào dưới đây khi nói về mô hình sản xuất kinh doanh hợp tác xã?

A. Tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau.

B. Tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lí.

C. Các thành viên có quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm như nhau.

D. Người đứng đầu phải chịu trách nhiệm thay các thành viên.

Câu 12. Doanh nghiệp tư nhân là loại hình do ai làm chủ?

A. Chủ sở hữu làm chủ.

B. Người đại diện làm chủ.

C. Do Nhà nước làm chủ.

D. Do tập thể làm chủ.

Câu 13. Cơ sở để phân biệt doanh nghiệp tư nhân với hộ kinh doanh là gì?

A. Tư cách pháp nhân.

B. Phạm vi chịu trách nhiệm.

C. Nguồn vốn pháp định.

D. Phạm vi và địa bàn.

Câu 14. Mô hình doanh nghiệp nào dưới đây có quyền phát hành chứng khoán?

A. Công ty cổ phần.

B. Công ty trách nhiệm hữu hạn.

C. Hợp tác xã.

D. Hộ sản xuất kinh doanh.

Câu 15. Doanh nghiệp có từ hai thành viên là chủ sở hữu chung, cùng nhau kinh doanh dưới một tên gọi chung. Thành viên góp vốn là tổ chức cá nhân chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của công ty trong phạm vi số vốn đã cam kết đóng góp vào công ty thuộc mô hình doanh nghiệp nào dưới đây?

A. Công ty trách nhiệm hữu hạn.

B. Công ty hợp danh.

C. Liên minh hợp tác xã.

D. Doanh nghiệp tư nhân hoặc hộ gia đình.

***/Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi bên dưới**

Hợp tác xã Q hoạt động trong lĩnh vực vận tải với các loại hình kinh doanh, dịch vụ như: dịch vụ vận tải hàng hoá, vận tải hành khách theo tuyến cố định và theo hợp đồng, vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt,... Hợp tác xã có 38 thành viên tự nguyện hợp tác với nhau cùng góp vốn. Hợp tác xã hoạt động trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lí. Doanh thu hợp tác xã liên tục tăng từng năm, nâng cao thu nhập bình quân cho các thành viên, người lao động.

Câu 16: Mô hình sản xuất được đề cập trong thông tin trên là?

A. Hộ gia đình.

B. Doanh nghiệp tư nhân.

C. Hợp tác xã.

D. Công ty tư nhân.

Câu 17: Mô hình sản xuất kinh doanh trong thông tin trên **không** được hoạt động theo nguyên tắc nào dưới đây?

A. Tự chủ về vốn.

B. Tự chịu trách nhiệm.

C. Khi anh B thanh toán không đúng hạn.

D. Khi ngân hàng thu đủ số tiền 100 triệu.

***/ Câu trắc nghiệm đúng sai.** Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Ngân hàng A tiến hành cho các doanh nghiệp, cá nhân trên địa bàn tỉnh K vay vốn hơn 1000 tỉ đồng, thời hạn vay ưu đãi lên đến 15 năm với mức lãi suất 7,5%. Trong 15 năm, các doanh nghiệp sẽ cam kết thực hiện đúng các quy định pháp luật về sử dụng tín dụng, phải trả đủ số tiền lãi và vốn khi đến hạn hoàn trả. Đây là một dịch vụ tín dụng phổ biến dựa trên tài sản đảm bảo và uy tín của cá nhân, doanh nghiệp với ngân hàng để giúp duy trì, phát triển tiêu dùng và sản xuất kinh doanh.

a) Việc yêu cầu các doanh nghiệp phải trả đúng hạn thể hiện vai trò của tín dụng trong việc hoàn trả cả gốc và lãi. *Sai, đây là thể hiện đặc điểm của tín dụng, đó là tính hoàn trả cả gốc và lãi.*

b) Ngoài việc trả tiền gốc và lãi theo thỏa thuận, các doanh nghiệp phải đóng một khoản thuế trên số tiền vay từ ngân hàng A. *Sai, các khoản vay hiện nay chưa phải nộp thuế.*

c) Quan hệ giữa ngân hàng A với các doanh nghiệp và cá nhân vay vốn vừa là quan hệ tín dụng vừa là quan hệ giữa các chủ thể sản xuất kinh doanh. *Đúng vì bản chất ngân hàng cũng là một chủ thể kinh doanh cung cấp hàng hóa là dịch vụ.*

d) Quan hệ tín dụng giữa ngân hàng và doanh nghiệp sẽ kết thúc khi người vay hoàn trả đủ cả tiền gốc và lãi theo thỏa thuận. *Đúng khi đã trả cả gốc và lãi thì quan hệ tín dụng sẽ kết thúc.*

Bài 9: DỊCH VỤ TÍN DỤNG

Câu 1. Tín dụng ngân hàng là việc ngân hàng chấp nhận để khách hàng sử dụng một lượng tiền vốn của ngân hàng trong một thời gian nhất định trên cơ sở lòng tin khách hàng có khả năng

A. tạo dựng được cơ sở ổn định.

B. có việc làm và thu nhập ổn định.

C. hoàn trả gốc và lãi khi đến hạn.

D. tạo việc làm cho người lao động.

Câu 2. Dịch vụ tín dụng ngân hàng là việc ngân hàng chấp nhận để khách hàng sử dụng một lượng tiền vốn của ngân hàng

A. trong một thời gian nhất định.

B. trong thời gian vô điều kiện.

C. theo chỉ định của nhà đầu tư.

D. theo đối tượng khách hàng.

Câu 3. Khi tham gia dịch vụ tín dụng, người vay phải trả đủ tiền gốc và tiền lãi

A. bằng khả năng.

B. bằng tiềm lực.

C. vô thời hạn.

D. vô điều kiện.

Câu 4. Cho vay tín chấp là hình thức cho vay dựa vào uy tín của người vay do đó không cần

A. tài sản đảm bảo.

B. thời gian trả nợ.

C. ngân hàng bảo lãnh.

D. trả lãi suất tiền vay.

Câu 5. Khi vay tín chấp người vay có trách nhiệm cung cấp trung thực, chính xác các thông tin cá nhân, giấy tờ cần thiết theo yêu cầu của ngân hàng và phải trả

A. thanh khoản hợp đồng.

B. các khoản nợ cố định.

C. tiền gốc trước kỳ hạn.

D. vốn và lãi đúng hạn.

Câu 6. Đặc điểm của vay tín chấp là dựa hoàn toàn vào uy tín của người vay, thủ tục đơn giản, kỳ hạn ngắn, số tiền vay ít nhưng

A. lãi suất tương đối thấp.

B. phải trả một lần.

C. không phải trả lãi định kỳ.

D. lãi suất khá cao.

Câu 7. Vay thế chấp đòi hỏi người vay phải có tài sản đảm bảo, thủ tục vay phức tạp nhưng có thể vay được số tiền tương đối lớn thời gian cho vay dài với lãi suất

A. thỏa thuận.

B. phù hợp.

C. giảm dần.

D. tăng dần.

Câu 8. Hoạt động tín dụng nhà nước ở nước ta hiện nay việc huy động vốn được thực hiện bởi Bộ tài chính dưới ba hình thức: phát hành công trái xây dựng Tổ quốc; trái phiếu kho bạc và

A. tín phiếu kho bạc.

B. cổ phiếu chứng khoán.

C. sổ tiết kiệm cá nhân.

D. đóng góp cổ phần.

Câu 9. Khách hàng sử dụng dịch vụ tín dụng bằng hình thức vay tín chấp được ngân hàng chấp nhận khi nào?

A. Khi khách hàng không còn tài sản đảm bảo.

B. Khi nguồn vốn ngân hàng dồi dào.

C. Khách hàng trả vốn và lãi trước thời hạn.

D. Khách hàng có đủ uy tín với ngân hàng.

Câu 10. Khách hàng sử dụng dịch vụ tín dụng bằng hình thức vay thế chấp được ngân hàng chấp nhận khi nào?

A. Được ngân hàng bảo lãnh bằng tài sản cố định.

B. Đã có tài sản thế chấp ở ngân hàng khác.

C. Người vay phải có tài sản thế chấp.

D. Cam kết trả nợ bằng lợi nhuận kinh doanh.

Câu 11. Ý nào dưới đây **không** phải là đặc điểm của tín dụng ngân hàng?

A. Có tính rủi ro.

B. Có tính thời hạn.

C. Phải hoàn trả cả gốc lẫn lãi vô điều kiện.

D. Cấp vốn cho bất kì ai có nhu cầu.

Câu 12. Ý nào dưới đây **không** phải là đặc điểm của tín dụng thương mại?

- A. Đối tượng cho vay là hàng hoá. B. Chủ thể đi vay là doanh nghiệp.
C. Thanh toán khoản vay cũng bằng hàng hoá. D. Chủ thể cho vay là doanh nghiệp.

Câu 13. Ý nào dưới đây **không** phải là đặc điểm của tín dụng tiêu dùng?

- A. Người vay là cá nhân, hộ gia đình. B. Bao gồm cả tiêu dùng của doanh nghiệp.
C. Mục đích vay để tiêu dùng. D. Số tiền được vay thường không lớn.

***/Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi bên dưới**

Ông M dự định mua một chiếc ô tô để kinh doanh dịch vụ chở khách và đã mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến ngân hàng để vay số tiền 500 triệu đồng, với lãi suất 8%/năm trong 5 năm.

Câu 14: Ngân hàng sẽ tiến hành xử lý tài sản đã đảm bảo để thực hiện nghĩa vụ thu hồi vốn vay khi nào?

- A. Hết năm năm từ khi ông M vay. B. Khi ông M bắt đầu vay tiền.
C. Khi ông M mua xong ô tô. D. Khi có chứng nhận sử dụng đất

Câu 15: Hãy cho biết hình thức tín dụng ngân hàng mà bố của Minh đã sử dụng.

- A. Vay tín chấp. B. Vay thế chấp. C. Vay trả góp. D. Vay trả chậm.

Câu 16: Trong trường hợp trên, tài sản đóng vai trò đảm bảo cho việc thực hiện khoản vay của ông M với ngân hàng đó là

- A. chiếc ô tô ông M dự định mua. B. công việc kinh doanh của ông M.
C. giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. D. số tiền 500 triệu đồng ông M vay.

***/Câu trắc nghiệm đúng sai.** Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Gia đình bạn X dự định mua nhà mới nhưng còn thiếu 200 triệu đồng. Bố của X đã mang căn cước công dân, sổ hộ khẩu, giấy xác nhận lương hằng tháng đến ngân hàng để vay tiền số tiền trên. Nhân viên ngân hàng cho biết bố của X là công chức nhà nước, có thu nhập ổn định nên có thể vay không cần đảm bảo trong thời hạn 1 năm.

a) Bố bạn X đã sử dụng dịch vụ tín dụng là vay tín chấp. *Đúng, vì ở đây việc ngân hàng cho bố bạn X vay hoàn toàn dựa vào uy tín và lịch sử tín dụng của người vay mà không cần tài sản đảm bảo.*

b) Mục đích vay để mua nhà nước nên đây là biểu hiện của tín dụng tiêu dùng. *Sai, đây là hoạt động tín dụng ngân hàng, việc ngân hàng cho vay tiền hoàn toàn độc lập với việc sử dụng các hình thức vay khác.*

c) Trong trường hợp ngân hàng không giải ngân cho gia đình bạn X vay, bố bạn X có thể liên hệ với các dịch vụ cho vay trả góp của các công ty tài chính là phù hợp. *Đúng, có 1 số công ty tài chính có thể cho người vay số tiền nhất định và thực hiện trả góp.*

d) Sau khi mua nhà, bố bạn X có thể sử dụng ngay giấy chứng nhận sở hữu ngôi nhà đã mua để chuyển sang hình thức vay thế chấp số tiền lớn hơn. *Đúng, bố bạn X có quyền vay số tiền tương đương giá trị ngôi nhà thế chấp.*

Bài 10: LẬP KẾ HOẠCH CÁ NHÂN

Câu 1: Những vấn đề nói về thu nhập, chi tiêu, tiết kiệm... của mỗi người là đề cập đến

- A. tài chính cá nhân. B. tài chính tập thể.
C. giá trị xã hội. D. tài sản vợ chồng.

Câu 2: Việc mỗi cá nhân lập bản kế hoạch thu chi giúp họ quản lý tiền bạc của cá nhân bao gồm các quyết định về thu nhập, chi tiêu, tiết kiệm, đầu tư,... là đề cập đến khái niệm nào sau đây ?

- A. Kế hoạch tài chính tập thể. B. Kế hoạch tài chính cá nhân.
C. Thu nhập tài sản gia đình. D. Cân đối chi tiêu cá nhân.

Câu 3: Việc lập bản kế hoạch về thu chi ngân sách nhằm thực hiện mục tiêu tài chính trong một thời gian ngắn (dưới 3 tháng) là đề cập đến việc lập kế hoạch tài chính cá nhân

- A. trung hạn. B. dài hạn. C. nhiều hạn. D. ngắn hạn.

Câu 4: Việc lập bản kế hoạch về thu chi ngân sách nhằm thực hiện mục tiêu tài chính trong một thời gian từ 3 tháng đến 6 tháng là đề cập đến việc lập kế hoạch tài chính cá nhân

- A. ngắn hạn. B. trung hạn. C. dài hạn. D. nhiều hạn.

Câu 5: Việc lập bản kế hoạch về thu chi ngân sách nhằm thực hiện được những mục tiêu tài chính quan trọng trong một thời gian từ 6 tháng trở lên là đề cập đến việc lập kế hoạch tài chính cá nhân

- A. ngắn hạn. B. trung hạn. C. dài hạn. D. vô hạn.

Câu 6: Một trong những tác dụng của việc lập và thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân là giúp cho mỗi người duy trì được

- A. chi tiêu tài chính lành mạnh. B. thói quen chi tiêu lãng phí.
C. thu chi tài chính bất hợp pháp. D. thâm hụt nợ nần thường xuyên.

Câu 7: Một trong những tác dụng của việc lập và thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân là giúp cho mỗi cá nhân được người khác

- A. xa lánh và kì thị.
- B. tôn trọng và quý mến.
- C. ghen ghét và trêu chọc.
- D. đùm bọc và nuôi dưỡng.

Câu 8: Để lập kế hoạch tài chính cá nhân cần thực hiện mấy bước cơ bản?

- A. 1 bước.
- B. 2 bước.
- C. 3 bước.
- D. 4 bước.

Câu 9: Việc làm nào sau đây đúng với việc lập kế hoạch tài chính cá nhân?

- A. Tự do tiêu sài không có chừng mực.
- B. Tiến hành chi tiêu theo kế hoạch đề ra.
- C. Thực hiện đầu tư tiền mất kiểm soát.
- D. Ngẫu hứng tiêu sài không theo kế hoạch.

Câu 10: Việc làm nào sau đây **không** đúng với việc lập kế hoạch tài chính cá nhân?

- A. Duy trì chi tiêu tài chính lành mạnh.
- B. Thực hành tiết kiệm theo kế hoạch.
- C. Tiêu sài lãng phí vượt mức cần thiết.
- D. Cân đối chi tiêu theo tài chính cá nhân.

Câu 11: Việc bạn A ghi chép đầy đủ các khoản thu chi để biết được các định mức cho các khoản thu chi khi phân bổ tài chính là thực hiện bước lập kế hoạch tài chính cá nhân nào sau đây?

- A. Xác định mục tiêu tài chính.
- B. Tuân thủ kế hoạch tài chính cá nhân.
- C. Thực hiện chi tiêu vượt kế hoạch đề ra.
- D. Theo dõi và kiểm soát thu chi cá nhân.

Câu 12: Việc bạn H vạch ra kế hoạch thực hiện tiết kiệm tiền trong 8 tuần để mua vợt cầu lông làm quà tặng em trai là thuộc loại kế hoạch tài chính cá nhân

- A. trung hạn.
- B. dài hạn.
- C. vô hạn.
- D. ngắn hạn.

Câu 13: Để có tiền mua điện thoại, bạn H đã vạch ra mục tiêu sẽ tiết kiệm một khoảng tiền trong vòng 5 tháng là thuộc loại kế hoạch tài chính cá nhân

- A. ngắn hạn.
- B. trung hạn.
- C. dài hạn.
- D. vô hạn.

Câu 14: Trong suốt năm học lớp 10, bạn M đã tiết kiệm được 1.5 triệu đồng để tham gia khóa bồi dưỡng tiếng Anh trong dịp hè. Việc tiết kiệm trên của bạn H là loại kế hoạch tài chính cá nhân

- A. ngắn hạn.
- B. trung hạn.
- C. dài hạn.
- D. ít hạn.

Câu 15: Việc làm nào sau đây là thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân trung hạn?

- A. Tiết kiệm tiền trong vòng 6 tháng để mua sách vở.
- B. Trong 9 tháng đã để dành đủ tiền để mua điện thoại.
- C. Sử dụng tiền tiết kiệm tháng 3 đến tháng 5 để tiêu sài.
- D. Để dành được một khoản tiền đồng trong vòng 2 tháng.

***/Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi bên dưới**

B dự định lập kế hoạch tiết kiệm tiền để mua chiếc điện thoại thông minh. Mỗi tuần B nhận được 200 nghìn đồng. Với số tiền này, B chia ra các khoản chi tiêu cần thiết nhất trong một tuần gồm: 50 nghìn mua thức ăn sáng cho 5 ngày đến trường, 50 nghìn dùng cho việc khẩn cấp, 100 nghìn còn lại sẽ bỏ ống tiết kiệm. Nếu kế hoạch diễn ra thuận lợi, số tiền 50 nghìn dùng cho việc khẩn cấp không dùng đến sẽ gộp chung với số tiền tiết kiệm của tuần đó. Sau khi cân nhắc kế hoạch, B dự kiến không đến 6 tháng cậu sẽ tiết kiệm đủ tiền để mua chiếc điện thoại mới.

Câu 16: Để thực hiện được mục tiêu của mình, B đã lựa chọn loại kế hoạch cá nhân nào dưới đây cho phù hợp với bản thân?

- A. Ngắn hạn.
- B. Vô thời hạn.
- C. Trung hạn.
- D. Dài hạn.

Câu 17: Việc phân chia cụ thể số tiền trong một tuần gồm: 50 nghìn mua thức ăn sáng cho 5 ngày đến trường, 50 nghìn dùng cho việc khẩn cấp, 100 nghìn còn lại sẽ bỏ ống tiết kiệm thể hiện B đã biết thực hiện nội dung nào dưới đây của lập kế hoạch tài chính cá nhân?

- A. Xác định mục tiêu kế hoạch.
- B. Điều chỉnh mục tiêu kế hoạch.
- C. Thiết lập quy tắc thu chi.
- D. Thiết lập quan hệ xã hội.

Câu 18: Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện vai trò của việc thiết lập kế hoạch chi tiêu tài chính cá nhân đối với bạn B.

- A. Thực hiện được mục tiêu mua điện thoại mới.
- B. Tiết kiệm được một khoản tiền nhất định.
- C. Có kỹ năng chi tiêu hợp lý, khoa học.
- D. Có thái độ coi thường tiền bạc và vật chất.

***/ Câu trắc nghiệm đúng sai.** Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

T luôn cẩn thận trong việc chi tiêu của mình. Hằng ngày, T đều ghi lại những khoản thu, chi tiền và luôn đặt ra mục tiêu tiết kiệm trong một tuần. Với số tiền tiết kiệm, T chia thành các khoản quỹ dự phòng, quỹ phát triển bản thân và quỹ đầu tư. Ngoài ra, T còn học cách sử dụng số tiền sẵn có để mở tài khoản tiết kiệm ở ngân hàng và hưởng lãi suất hằng năm. Nhờ việc luôn chủ động trong việc lập kế hoạch tài chính cá nhân, T kiểm soát tốt nguồn tiền của mình và sử dụng tiền có hiệu quả.

a) Bạn T đã biết lập kế hoạch tài chính cá nhân cho bản thân mình. *Đúng, bạn T đã tuân thủ tốt các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân.*

b) Bạn T đã vận dụng linh hoạt hình thức tín dụng ngân hàng. *Đúng, bạn T học cách sử dụng số tiền sẵn có để mở tài khoản tiết kiệm ở ngân hàng và hưởng lãi suất hằng năm*

c) Việc đặt ra mục tiêu tiết kiệm trong một tuần với học sinh là không cần thiết. *Sai, tùy theo đối tượng đều có thể đặt ra cho mình mục tiêu tiết kiệm.*

d) Kế hoạch cá nhân của T còn thiếu nội dung chi tiêu cho các khoản thiết yếu. *Sai, T đã đưa nội dung chi tiêu các khoản thiết yếu là chính, sau đó mới đặt vấn đề tiết kiệm.*

III. TỰ LUẬN

Câu 1) Bắt đầu lên lớp 10, A lập kế hoạch tài chính cá nhân để đạt được các mục tiêu đề ra. Hàng tháng, A lập kế hoạch chi tiêu của cá nhân để cân đối chi tiêu hợp lí. Mọi khoản chi tiêu đều được A phân chia rõ ràng như chi phí sinh hoạt, chi phí học hành, giải trí và một phần tiết kiệm. Với số tiền tiết kiệm được trong 1 năm. A định lên lớp 11 sẽ mua một khoá học tiếng anh online.

Hỏi: Em hãy cho biết:

- Loại kế hoạch tài chính cá nhân nào được đề cập ở trường hợp trên?
- Để đạt được những mục tiêu tài chính cá nhân đã đề ra, em cần thực hiện mấy bước, đó là những bước nào?
- Cách thức hiệu quả nhất khi lập kế hoạch tài chính cá nhân?

Gợi ý trả lời:

- Loại kế hoạch tài chính cá nhân nào được đề cập ở trường hợp trên :A đã lên kế hoạch tài chính cá nhân dài hạn.

- Để đạt được những mục tiêu tài chính cá nhân đã đề ra, em cần thực hiện 4 bước lập kế hoạch tài chính cá nhân:

+ Bước 1: Xác định mục tiêu và thời hạn của kế hoạch tài chính cá nhân.

+ Bước 2: Xác định tình hình tài chính hiện tại, thu và chi thường xuyên của cá nhân.

+ Bước 3: Thiết lập quy tắc thu, chi cá nhân cụ thể.

+ Bước 4: Tuân thủ kế hoạch tài chính cá nhân.

- Cách thức hiệu quả nhất khi lập kế hoạch tài chính cá nhân : Khi tình hình tài chính cá nhân thay đổi thì cần cập nhật thường xuyên, điều chỉnh để bản kế hoạch thực tế hơn, Cần lựa chọn loại kế hoạch phù hợp với mục tiêu tài chính đặt ra và đảm bảo các bước nêu trên.

Câu 2: X và V là đôi bạn thân. Thấy X hay quan tâm đến việc tính toán chi tiêu tiết kiệm để có tiền mua sách vở, quà sinh nhật tặng người thân, đóng học phí lớp bồi dưỡng Tin học, V góp ý với bạn: “Sao lúc nào cậu cũng bận tâm lo tiết kiệm tiền vậy? Mình là học sinh thì chỉ nên tập trung vào việc học tập”. Nếu là X, em sẽ giải thích với V như thế nào?

Gợi ý trả lời

Em sẽ nói với V về việc học sinh có kế hoạch tài chính cá nhân và thực hiện kế hoạch không ảnh hưởng đến kết quả học tập mà còn giúp mình rèn luyện được thói quen chi tiêu có kế hoạch, tiết kiệm, làm chủ được tài chính của mình, sẽ rất có lợi không chỉ trong hiện tại mà cả tương lai. Với những bạn có hoàn cảnh khó khăn thì càng cần phải rèn luyện kĩ năng này để giảm bớt gánh nặng tài chính cho bố mẹ, người thân.

Câu 3: Nhằm hỗ trợ khách hàng đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, ngân hàng X thực hiện giảm lãi suất cho các khoản vay sản xuất kinh doanh đối với khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp. Cụ thể, với khách hàng doanh nghiệp, mức lãi suất cho vay kinh doanh là 5%/năm. Với khách hàng là cá nhân vay vốn kinh doanh, mức lãi suất cho vay là 6%/năm. Ngoài ra, đôi với các nhu cầu vay tiêu dùng như mua nhà, xây sửa nhà, mua xe ô tô,... khách hàng có thể vay vốn với lãi suất ưu đãi cố định trong 12 tháng đầu tiên.

a) Chủ thể vay, chủ thể cho vay trong trường hợp trên là ai?

b) Thời hạn vay, lãi suất cho vay được đề cập đến như thế nào?

Gợi ý trả lời

a) - Chủ thể vay: cá nhân, doanh nghiệp.

- Chủ thể cho vay: ngân hàng X.

b) Thời hạn vay, lãi suất cho vay:

- Với khách hàng doanh nghiệp: mức lãi suất cho vay kinh doanh là 5%/năm.

- Với khách hàng là cá nhân vay vốn kinh doanh: mức lãi suất cho vay là 6%/năm.

- Với các nhu cầu vay tiêu dùng như mua nhà, xây sửa nhà, mua xe ô tô,... khách hàng có thể vay vốn với lãi suất ưu đãi cố định trong 12 tháng đầu tiên

ĐỀ THAM KHẢO

PHẦN 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 20. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1: Hoạt động nào dưới đây đóng vai trò là trung gian kết nối sản xuất với tiêu dùng?

- A. Trao đổi.
- B. Phân phối và trao đổi.
- C. Tiêu dùng và trao đổi.
- D. Phân phối.

Câu 2: Thực hiện vai trò kết nối trong các quan hệ mua - bán, giúp cho nền kinh tế linh hoạt, hiệu quả là vai trò của chủ thể kinh tế nào dưới đây?

- A. Người sản xuất kinh doanh.
- B. Chủ thể trung gian.
- C. Chủ thể Nhà nước.
- D. Người tiêu dùng.

Câu 3: Phát biểu nào dưới đây là sai về thị trường?

- A. Thị trường là nơi thực hiện hoạt động mua và bán.
- B. Người mua, người bán là một trong những yếu tố cơ bản của thị trường.
- C. Chỉ có thể tìm đến thị trường thì con người mới thoả mãn được nhu cầu.
- D. Mua – bán không phải là quan hệ của thị trường.

Câu 4: Trong sản xuất và kinh doanh hàng hóa, mặt tích cực của cơ chế thị trường thể hiện ở việc, các chủ thể kinh tế với mong muốn giành nhiều lợi nhuận về mình đã không ngừng

- A. khai thác cạn kiệt tài nguyên.
- B. đổi mới quản lý sản xuất.
- C. kích thích đầu cơ găm hàng.
- D. hủy hoại môi trường.

Câu 5: Giá cả thị trường là

- A. giá mà người bán áp đặt cho người mua.
- B. giá mà người mua muốn trả cho người bán.
- C. giá bán do Nhà nước quy định từ đầu năm.
- D. giá bán thực tế của hàng hoá trên thị trường.

Câu 6: Nội dung nào **không** thể hiện vai trò của ngân sách nhà nước?

- A. Phân phối lại thu nhập cho người dân.
- B. Huy động nguồn vốn cho nền kinh tế.
- C. Công cụ quan trọng để kiểm chế lạm phát.
- D. Công cụ điều tiết vĩ mô nền kinh tế

Câu 7: Theo quy định của Luật ngân sách, Ngân sách nhà nước gồm các khoản thu nào dưới đây?

- A. Thu các công trình phát triển.
- B. Thu từ các dịch vụ tư nhân.
- C. Thu từ dầu thô, thu nội địa.
- D. Thu các dịch vụ y tế bắt buộc.

Câu 8: Loại thuế nào dưới đây có đặc điểm đó là người nộp thuế đồng thời là người chịu thuế?

- A. Thuế trực thu.
- B. Thuế gián thu.
- C. Thuế xuất khẩu.
- D. Thuế nhập khẩu.

Câu 9: Khoản thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng là thuế

- A. giá trị gia tăng.
- B. thu nhập doanh nghiệp.
- C. xuất nhập khẩu.
- D. tiêu thụ đặc biệt.

Câu 10: Một trong những đặc điểm của doanh nghiệp là có tính

- A. kinh doanh.
- B. phi tổ chức.
- C. thiếu bền vững.
- D. bất hợp pháp.

Câu 11: Hình thức sản xuất kinh doanh nào dưới đây mà các thành viên có tài sản chung, cùng đóng góp công sức để sản xuất kinh doanh?

- A. Mô hình kinh tế hộ gia đình.
- B. Mô hình kinh tế lâm nghiệp.
- C. Mô hình kinh tế hợp tác xã.
- D. Mô hình kinh tế doanh nghiệp.

Câu 12: Nội dung nào dưới đây đề cập đến trách nhiệm của người đi vay khi tham gia vào các quan hệ tín dụng?

- A. Người đi vay không cần trả nợ đúng hạn, chỉ cần đảm bảo trả đủ số tiền đã vay.
- B. Người đi vay có thể trả bằng giá trị hàng hoá tương đương với khoản vay khi đến hạn trả nợ.
- C. Người đi vay phải trả toàn bộ số tiền trong thời hạn cam kết trả nợ.
- D. Người đi vay phải trả số tiền đã vay khi đến hạn trả nợ có hoặc không kèm một khoản lãi.

Câu 13: Một trong những đặc điểm của tín dụng là có tính

- A. hoàn trả cả gốc và lãi.
- B. chỉ cần trả phần lãi.
- C. không cần hoàn trả.
- D. chỉ cần trả phần gốc.

Câu 14: Hình thức tín dụng nào dưới đây **không có** sự tham gia của hệ thống ngân hàng?

- A. Tín dụng thương mại.
- B. Tín dụng ngân hàng.

C. Tín dụng nhà nước.

D. Cho vay thế chấp.

Câu 15: Người vay tham gia mua hàng hóa trả góp của doanh nghiệp liên kết với công ty tài chính thuộc dịch vụ tín dụng nào sau đây?

A. Tín dụng ngân hàng.

B. Tín dụng tiêu dùng

C. Tín dụng nhà nước.

D. Tín dụng thương mại.

Câu 16: Cá nhân muốn tiết kiệm một khoản tiền trong vòng 2 tháng nên lựa chọn loại kế hoạch tài chính nào sau đây?

A. Kế hoạch dài hạn.

B. Kế hoạch trung hạn.

C. Kế hoạch vô thời hạn.

D. Kế hoạch ngắn hạn.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 17,18

Nhận thấy thị trường trong nước có dấu hiệu phục hồi trở lại sau thời kỳ dịch bệnh, công ty X đã chủ động mở rộng sản xuất nhằm kịp thời đáp ứng nhu cầu của thị trường. Ban lãnh đạo công ty đã chủ động cắt giảm một số sản phẩm có nhu cầu thấp để tập trung vào các sản phẩm thế mạnh. Nhờ chiến lược kinh doanh đúng đắn, công ty đã bước đầu lấy lại đà tăng trưởng, sản phẩm làm ra đáp ứng tốt nhu cầu của người tiêu dùng. Lợi nhuận của công ty ngày càng tăng lên đã giúp công ty có điều kiện để tăng thêm thu nhập cho cán bộ và nhân viên. Công ty còn quy định mức thưởng xứng đáng với sự đóng góp của mỗi cá nhân nên ai cũng phấn khởi, có thêm động lực để lao động sản xuất.

Câu 17: Công ty X sử dụng lợi nhuận để tăng thêm thu nhập cho cán bộ và nhân viên là thực hiện hoạt động nào dưới đây trong nền kinh tế?

A. Sản xuất.

B. Phân phối.

C. Trao đổi.

D. Tiêu dùng.

Câu 18: Trước tình hình thị trường có sự thay đổi, công ty X đã chủ động cắt giảm một số sản phẩm có nhu cầu thấp để tập trung vào các sản phẩm thế mạnh của công ty là vận dụng chức năng nào dưới đây của thị trường?

A. Chức năng điều tiết.

B. Chức năng thừa nhận.

C. Chức năng thông tin.

D. Chức năng phản biện.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 19,20

Câu 19: Sữa là mặt hàng thiết yếu, đảm bảo sức khỏe cho mọi người, nhất là đối với trẻ em, không thể để giá cả mặt hàng này biến động làm ảnh hưởng đến đời sống xã hội. Nhà nước đã thực hiện một số biện pháp để bình ổn giá mặt hàng sữa trên thị trường như: quy định áp trần giá sữa, yêu cầu các doanh nghiệp sản xuất, phân phối, các cửa hàng đại lí bán lẻ sữa phải đăng kí với cơ quan quản lí giá ở địa phương, công khai mức giá bán.

Câu 19: Chủ thể nào trong thông tin trên đóng vai trò điều tiết hoạt động của các chủ thể khác trong việc bình ổn thị trường sữa?

A. Chủ thể sản xuất.

B. Chủ thể tiêu dùng.

C. Chủ thể nhà nước.

D. Chủ thể trung gian.

Câu 20: Nội dung nào dưới đây phù hợp với chức năng của giá cả thị trường?

A. Sữa là mặt hàng thiết yếu đối với trẻ em.

B. Các doanh nghiệp phải đăng ký sản phẩm.

C. Công khai giá bán tới người tiêu dùng.

D. Quy định trần giá sữa đối với doanh nghiệp

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Đọc đoạn thông tin sau:

Thị trường thép thế giới dự báo sẽ hồi phục mạnh mẽ trong năm 2021, sau khi suy giảm mạnh ở năm 2020 do đại dịch COVID-19. Sự hồi phục về nhu cầu thép thế giới ở nửa cuối năm 2020 đã đẩy giá tất cả các loại thép tăng lên. Tại Việt Nam, từ giữa năm 2020, thị trường thép trong nước cũng bắt đầu hồi phục, để góp phần tháo gỡ những khó khăn cho ngành thép, Chính phủ chủ động cắt giảm thuế xuất khẩu, dỡ bỏ một số hạn chế đối với phi thép nhập khẩu, chỉ đạo hệ thống ngân hàng chủ động xem xét giãn hoặc giảm lãi suất cũng như có các gói vay mới giúp các doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn để vượt qua khó khăn và ổn định thị trường. Bên cạnh sự hỗ trợ của nhà nước, ngành thép chủ động thay đổi để phù hợp như cắt giảm chi phí quản lý, nguyên liệu đầu vào, áp dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất để hạ giá thành sản phẩm nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế.

a) Theo phạm vi không gian, thị trường thép của Việt Nam được tiêu thụ ở thị trường trong nước.

b) Giá cả thị trường thép ở nước ta chịu tác động từ sự thay đổi của thị trường thép thế giới và cả thị trường trong nước.

c) Các doanh nghiệp chủ động thay đổi cách thức quản lý, áp dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất là phù hợp với chức năng thông tin của giá cả thị trường.

d) Hoạt động giảm lãi suất của các ngân hàng từ sự chỉ đạo của chính phủ là phù hợp với dịch vụ tín dụng nhà nước.

Câu 2: Đọc đoạn thông tin sau:

Gia đình bạn X dự định mua nhà mới nhưng còn thiếu 200 triệu đồng. Bố của X đã mang căn cước công dân, sổ hộ khẩu, giấy xác nhận lương hàng tháng đến ngân hàng để vay tiền số tiền trên. Nhân viên ngân hàng cho biết bố của X là công chức nhà nước, có thu nhập ổn định nên có thể vay không cần đảm bảo trong thời hạn 1 năm.

a) Bố bạn X đã sử dụng dịch vụ tín dụng là vay tín chấp.

b) Mục đích vay để mua nhà nước nên đây là biểu hiện của tín dụng tiêu dùng.

c) Trong trường hợp ngân hàng không giải ngân cho gia đình bạn X vay, bố bạn X có thể liên hệ với các dịch vụ cho vay trả góp của các công ty tài chính là phù hợp.

d) Sau khi mua nhà, bố bạn X có thể sử dụng ngay giấy chứng nhận sở hữu ngôi nhà đã mua để chuyển sang hình thức vay thế chấp số tiền lớn hơn.

PHẦN III. TỰ LUẬN

Câu 1: Đọc thông tin và trả lời câu hỏi

Bạn H sinh ra trong một miền quê và gia đình gắn bó với nghề làm nón lá truyền thống. H được bố mẹ truyền lại kinh nghiệm làm nón và những bí quyết riêng để tạo ra những chiếc nón đẹp. Những ngày cuối tuần được nghỉ học, H thường phụ giúp bố mẹ làm nón. Với quy mô sản xuất nhỏ, năng suất lao động thấp khiến giá thành làm ra thường cao hơn nhiều nên sức cạnh tranh của sản phẩm thấp so với các sản phẩm cùng loại. Những năm gần đây, nhận thấy tình hình tiêu thụ nón lá khó khăn, gia đình H và các hộ gia đình trong làng đã tìm cách đưa nón lá của quê hương mình đến những vùng miền khác và xuất khẩu đi một số nước. H mong muốn sau này sẽ tiếp tục nghề truyền thống của gia đình mình để đưa những chiếc nón lá – một nét đẹp văn hóa Việt Nam đến khắp nơi trên thế giới.

a) Loại hình sản xuất kinh doanh mà bạn H và gia đình đang thực hiện là mô hình sản xuất kinh doanh nào. Mô hình này có ưu điểm gì?

b) Để nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm, bạn H và gia đình cùng với các gia đình trong thôn nên chuyển sang mô hình nào cho phù hợp?

Câu 2: Đọc thông tin và trả lời câu hỏi

Doanh nghiệp X do anh H làm chủ chuyên về nuôi trồng thủy sản, dự báo của thị trường sẽ tăng khi kinh tế thế giới phục hồi, doanh nghiệp quyết định mở rộng sản xuất. Để có nguồn vốn lớn đáp ứng quá trình mở rộng này, một mặt anh H thỏa thuận với doanh nghiệp D một đơn vị cung cấp thức ăn lâu năm cho mình về việc cho anh H mua chịu mỗi tháng 10.000 bao cám trong 1 năm cùng các điều kiện về lãi, phí đi kèm khi mua chịu. Bên cạnh đó, do thường xuyên thanh toán đúng hạn, doanh nghiệp của anh H được các ngân hàng cho tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi trong lĩnh vực thủy sản với sự hỗ trợ về lãi suất của chính phủ. Chính sự hỗ trợ này đã giúp doanh nghiệp X ổn định sản xuất và có những đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế của địa phương. Anh H dự định sau khi thanh toán các khoản nợ với đối tác sẽ phát hành cổ phần để vừa huy động vốn vừa tạo điều kiện để các công nhân ngày càng gắn bó và hưởng quyền lợi từ công ty.

Thông tin trên đề cập đến những loại hình dịch vụ tín dụng nào?. Những loại hình đó có vai trò như thế nào đối với doanh nghiệp